



## TAM LẬP ( 三 立 ) TRONG ĐẠO CAO ĐÀI (HT Nguyễn Ngọc Dũ)<sup>1</sup>

### PHẦN MỞ ĐẦU

Vào khoảng sau ngày Rằm tháng giêng năm Tân Mão (1951), Đức Hộ Pháp vào nhập tịch ba tháng nơi Trí Huệ Cung không tiếp xúc với bên ngoài. Việc nhập tịch của Ngài “về mặt Đạo giống như 40 ngày của Đức Chúa Jêsus ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho toàn nhơn loại ;

<sup>1</sup> *Hiền Tài Nguyễn Ngọc Dũ, Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
Thuyết trình tại Hội Trường Châu Đạo California ngày 8-11-2003*

giống như Đức Thích Ca vào vườn Bồ Đề ngồi thiền định dặng xin giải thoát cho Chúng sanh. . . .<sup>2</sup>

Trong thời gian Đức Ngài sửa soạn nhập tịnh nơi Trí Huệ Cung thì có một số vị làm đơn xin Đức Ngài được cùng nhập tịnh với ngụ ý nhờ Đức Ngài hướng dẫn về Bí Pháp tịnh luyện. Đức Ngài không biết dựa trên tiêu chuẩn nào để tuyển nên có câu hỏi cùng các Đấng Thiêng Liêng. Sau đó Đức Ngài kể lại sự việc này như sau:

“Ngày Bần-Đạo đến tại Trí Huệ Cung, có dặng nhiều bức thư của mấy bạn chúng ta cầu xin nhập vào Trí Huệ Cung một lượt với Bần Đạo nhiều lắm. Ngày giờ ấy chính mình Bần Đạo cũng chưa biết thế nào tuyển chọn những chơn linh đem vào cửa Thiêng Liêng ấy dặng. Đang lo không biết giải quyết thế nào về phương pháp nhập Trí Huệ Cung nên chưa quyết định nhứt là về mặt tuyển chọn không biết trả lời làm sao. May duyên thay Đức Chí Tôn thấy không thể giải quyết dặng, mới cho hội diện cùng các Đấng cầm quyền Thiêng Liêng của Đạo. Khi dặng hiểu rõ rồi, Bần Đạo lấy làm hân hạnh thấy rằng: *"Cái nền Chơn Giáo của Đức Chí Tôn vẫn là đường đường ngay chánh, nhứt định về Thể Pháp chơn truyền, không hề mê hoặc ai cả thấy"*

Bần Đạo cũng quả quyết rằng: *"Những phương pháp mê hoặc của thiên hạ về đạo lý sẽ bị chơn truyền của Đức Chí Tôn từ từ tiêu diệt hết"*.

Muốn định Thiên vị của mình, quyền Thiêng Liêng đã buộc; buộc hẳn mà chớ, phải có **Tam Lập** của mình mới được, gọi là **Nhơn luận**. Điều ấy Bần Đạo có truyền cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài hay trước rồi và dường như Đức Trần Khai Pháp đã có thuyết minh điều ấy rồi. Bần Đạo không cần luận thêm nữa”<sup>3</sup>

Như vậy, thuyết Tam Lập được đề cập đến và phổ truyền từ đây. Nhưng Tam Lập là gì? Tam Lập đối với tam giáo và Tam Lập đối với người tín-đồ như thế nào? Đây là hai vấn đề được *sơ giải* trong Bài Tham Luận này.

## **I-TAM LẬP LÀ GÌ?**

Vấn đề Tam Lập được đề cập trong Giáo Lý Đạo Cao Đài gồm có ba phần: Lập Đức, Lập Công (hay gọi là Tam Công) và Lập Ngôn.

### **A- LẬP ĐỨC. (立德)**

---

<sup>2</sup> - Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 17-4 Tân mảo (1951)

<sup>3</sup> - Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh ngày 19-4 Tân Mảo (1951)

## **1- Định nghĩa chữ Đức:**

Chữ Đức có rất nhiều nghĩa. Theo học giả Nguyễn Hiến Lê trong quyển Đạo Đức Kinh thì chữ Đức có nghĩa là *nguyên lý của mỗi vật*. Đức cũng có nghĩa là *tính năng động của Đạo hay tác dụng của Đạo hay năng lực ngấm ngấm*. Đức cũng còn có nghĩa là ‘ *ái lực hay là bản năng sinh tồn của mỗi sinh vật . . .*’

Cách quảng diễn trên đây dù là tổng hợp định nghĩa của các học giả, các thiền gia hay đạo gia chớ không phải của riêng tác giả đã làm cho định nghĩa chữ Đức có phần khó hiểu vì quá rắc rối mù mờ, lý do là vì không được giải rõ.

Nếu giải rõ để làm sáng tỏ thì chữ Đức cũng không ra ngoài ba nghĩa chính yếu sau:

**Đức có nghĩa là “Được”** và được ở đây là do quán tưởng huân tập, tu dưỡng bằng cách rèn tâm luyện tánh. Thí dụ như nói nhân đức hay đạo đức là do việc quán tưởng, huân tập hay tu tâm luyện tánh mà con người có được lòng nhân hay thấy được Đạo, quay về với Đạo, lo tu để có thể thành Đạo và gọi là “Được Đạo”.

Đây là cách định nghĩa rất dễ nhận thấy nhất trong giáo lý Đạo Khổng.

- **Chữ Đức cũng có nghĩa là “Cái động” hay là “Cái dụng” của Đạo.** Nói như thế này thật ra cũng có phần khó hiểu.

Để được sáng tỏ hơn, xin ghi lại đây lời dạy của Đức Lão Tử trong quyển Đạo Đức Kinh: “Cố thất Đạo nhi hậu Đức”<sup>4</sup> (Có nghĩa là khi mất Đạo rồi người ta mới nói đến Đức). Mà nói đến Đức để làm gì? Đó là để tu tâm luyện tánh để trở về với Đạo. Như vậy, nhờ ở Đức, cái dụng của Đạo mà con người có thể từ đó trở về với Đạo, và “Được” ở đây là nhờ cái dụng của Đạo để trở về, để cận kề với Đạo.

Tóm lại, định nghĩa thứ hai có được là do từ quyển Đạo Đức Kinh. Như vậy có thể nói định nghĩa này chiếm ưu thế trong giáo lý Đạo Lão.

**Chữ Đức có nghĩa là “Năng lực ngấm ngấm tiềm tàng trong mỗi một con người”**. Đây là chữ Đức được các học giả ngoại quốc dịch sang tiếng Anh là “Power” mà trong nhà Phật nhất là trong phái “Thiền Tông” thường nhắc tới.

---

<sup>4</sup> - Lão Tử Đạo-Đức Kinh, Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Hoá 1994, chương 38 Thiên Hạ, trang 221.

Chữ Đức với nghĩa thứ ba này thuộc về nội tâm, nổi bật và vượt trội với các Thiên Sư và thường được xưng tụng với danh từ Công đức.

Cũng cần nói rõ thêm là chữ Đức với nghĩa thứ ba này cũng đều có trong giáo lý Tam giáo cũng như trong giáo lý của Đạo Cao Đài.

## **2\*- Giáo lý Tam giáo về Lập Đức như thế nào? Có đối chọi nhau không?**

Xin trước tiên được bàn đến Khổng Giáo, kế tiếp là Lão Giáo và sau cùng là Phật Giáo.

### **2.1 Lập Đức theo Khổng Giáo:**

Với Đạo Khổng chữ Đức hay Lập Đức được nói qua nhiều sách vở trong Tứ Thư Ngũ Kinh, nổi bật nhất là qua quyển Đại Học.

Trong sách Đại Học, Đạo Khổng dạy người đời về cách lập Đức như sau:

“Đại Học chi Đạo,  
Tại Minh Minh Đức  
Tại Tân Dân  
Tại chỉ ư chí thiện.”

Có nghĩa là cái Đạo làm người với cái học to tát nhất, tiêu biểu nhất, quan trọng nhất là phải làm sao cho sáng cái “Đức sáng của mình”.

Đây là một trong những phần giáo lý cao siêu nhất của Đạo Khổng nhằm mục đích “*Phối Thiên*” qua nhiều đạo hạnh tu chứng mà trong đó quan trọng hơn hết là “*Khử nhân dục, tồn thiên lý*” nghĩa là phải sạch đi cái vọng phàm phu, để làm hiển lộ ra cái chơn của Hiền Thánh.

Mặc dù đây là tinh túy của giáo lý Đạo Khổng nhưng có một điều nó không được minh giải nên phải mập mờ, không sáng tỏ và khó hiểu, mà nhiều người cũng như nhiều Đạo gia khác đặt vấn đề. Có phải chăng đây là sự thật? Nếu không thì tại sao trên 2000 năm qua tinh túy giáo lý lập Đức của Khổng giáo đã bị lãng quên và người ta chỉ hiểu chữ Đức với nghĩa là “Được”, thí dụ như Nhân đức, nghĩa là nhờ tu dưỡng, huân tập mà có lòng Nhân, chớ ý nghĩa cao siêu của chữ Đức để lập Đức hầu Phối Thiên để “*Thiên Nhơn hiệp nhất*” làm cho người với Trời trở thành một, hầu như bị lãng quên. Phải đợi đến đầu thế kỷ 20, với sự xuất hiện của Đạo Cao Đài, Thánh tượng của Đức Khổng Tử mới được đặt ngang hàng với Đức Phật và Đức Lão Tử và tinh túy giáo lý lập Đức của Đạo Khổng cũng được làm sáng tỏ ngang hàng trong Tam Giáo qua giáo lý của Đạo Cao Đài.

## **2.2 Lập Đức theo Lão Giáo**

Nói về chữ Đức cũng như đạo hạnh lập Đức trong đạo Lão, có nhiều luận giải cho rằng quan điểm của Lão Tử chống đối Khổng Tử. Hơn thế nữa, so với Đạo Phật thì Lão Tử lại thiên về vô vi, siêu hình trong khi Phật Giáo thì nhân bản và khoa học.

Để tìm hiểu vấn-đề, xin trước tiên xem qua định nghĩa của chữ Đức và đạo hạnh Lập Đức của Đạo Lão như thế nào?

Về định nghĩa, qua quyển Đạo Đức Kinh, Đạo Lão cũng đã giảng dạy về chữ Đức và Lập Đức với 3 định nghĩa đã nêu. Đó là “Được”, “Cái dụng của Đạo” và “Năng lực ngấm ngấm”. Tuy nhiên cũng như nhiều luận giả đồng ý, đó là với đạo Lão thì khía cạnh vô vi siêu hình được chú ý nhiều hơn, do đó đạo Lão chú trọng đến hai định nghĩa: “Cái dụng của Đạo” và “Năng lực ngấm ngấm”.

Thật vậy, chữ Đức trong đạo Lão, qua Đạo Đức Kinh, được thấy rõ nét với hai nghĩa, đó là cái Đức của Đạo, tức cái năng lực ngấm ngấm và thứ hai là cái Đức liên quan đến nhân sinh gọi là “Nhân sự chi đức” tức cái Đức khi mất Đạo.

Về cái Đức khi đã mất Đạo tức “Nhân sự chi đức” thì tại Chương 38 Thiên Hạ, quyển Lão Tử Đạo Đức Kinh, Lão Tử đã nói như sau:

“Cố, thất Đạo nhi hậu Đức  
Thất Đức nhi hậu Nhân  
Thất Nhân nhi hậu Nghĩa  
Thất Nghĩa nhi hậu Lễ”.

Nghĩa là khi Đạo không còn nữa, nói nôm na là khi con người đã mất Đạo rồi thì lúc đó người ta nói đến Đức, và khi con người không còn có Đức nữa thì lúc đó mới nói đến Nhân. Đến khi lòng Nhân đã cạn thì mới kêu gọi đến Nghĩa. Cuối cùng lúc Nghĩa chẳng còn giữ được thì phải vớt vác gọi đến Lễ để nhờ Lễ phục hồi lại Nghĩa, từ Nghĩa phục hồi lại Nhân, từ Nhân phục hồi lại Đức và từ Đức quay về với Đạo.

Đây là chữ Đức khi mất Đạo hay “Nhân sự chi Đức” tức cái Đức mà nhân sinh có thể nương theo trình tự đó mà trở về với Đạo, để không còn mất Đạo nữa.

Trên đây là cách trình bày của Lão Tử chớ Lão Tử không cố xúy cách “lập Đức nhân sự” này, vì Lão Tử cho rằng Lễ chỉ là màu mè, những gì hào nháng

bên ngoài để biểu trưng cho sự kính vì hay trung tín một khi an bình xã hội đã lung lay và đã có mầm mống hỗn loạn (Phù Lễ giả trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ, Chương 38 Đạo Đức Kinh).

Tóm lại, Lão Tử cho rằng trình tự Lập Đức như thế này, đó là cái Đức không phải là “Cái Đức của Đạo” mà là “Cái Đức của sự mất Đạo” và chính ở điểm này mà có người cho rằng Khổng Giáo và Lão Giáo đối chọi nhau.

Từ quan điểm và lập luận như trên, Lão Tử chủ trương cái “ Đức của Đạo”. Đức đó là cái động hữu hình của Đạo, là cái Đức . . . “Thị vị bất tranh chi Đức, thị vị dụng nhân chi lực, thị vị Phối Thiên chi cực.”<sup>5</sup> Đó là cái Đức không tranh. Do không tranh nên mới thắng (Bất tranh nhi thiên thắng) mà lý do là vì mình không tranh với ai thì nào có ai muốn tranh với mình, nói khác hơn là vì mình không muốn hơn ai nên không ai hơn thua với mình, không ai hơn mình được. Hơn như thế mới là hơn trong đạo hạnh hơn từ bản thể, cái hơn không phải do ý nghĩ, lời nói, việc làm tức hữu vi, hữu lậu mà đó là cái hơn do không tranh hơn ai, vô vi, vô lậu, nên tự bản thể cái hơn đó nó hơn tất cả. Hơn như thế mới là cái hơn có được từ Đức của Đạo, cái hơn từ cái năng lực ngấm ngầm tiềm ẩn, và nhờ cái năng lực ngấm ngầm tiềm ẩn này để lập Đức của Đạo mà nhà Phật gọi là Công đức đó vậy.

### **2.3 Lập Đức theo Phật Giáo**

Trong việc Lập Đức theo giáo lý Đạo Phật có một câu chuyện như sau:

Bồ Đề Đạt Ma, vị tổ Thiền Tông thứ 28 từ Ấn Quốc đông độ sang Trung Quốc. Sau ba năm lênh đênh trên mặt biển, Ngài đến Quảng Châu và được Vua nhà Lương là Lương Võ Đế triệu thỉnh.

Lương Võ Đế là một vị vua hâm mộ Đạo Phật. Ông có xây cất nhiều chùa, độ nhiều tăng và làm nhiều việc thiện. Khi Ngài gặp Đức Bồ Đề Đạt Ma, vua Lương Võ Đế hỏi:

“Trẫm đã cất được 72 kiếng chùa, nuôi được mấy ngàn tăng sĩ, thường bố thí chẩn bần, thiết trai đàn, như vậy Trẫm có được nhiều công đức không?”

Để trả lời vua Lương Võ Đế, Đức Bồ Đề Đạt Ma lắc đầu và nói rằng: “Thật không có công đức gì cả”.

---

<sup>5</sup> - Lão Tử Đạo Đức Kinh, Nguyễn Hiến Lê, Nhà Xuất Bản Văn Hoá 1994, chương 68 trang 260.

Vì câu trả lời này, cộng thêm nhiều câu kế tiếp đã làm phật lòng nhà Vua, Đức Bồ Đề Đạt Ma biết rằng mình không có duyên với nhà Vua, do đó đang đêm bỏ sang nước Ngụy ở phương Bắc, vào chùa Thiếu Lâm ngồi thiền bích 9 năm, trở thành vị Tổ Thiền Tông thứ nhất ở Trung Quốc.

Để giải đáp thắc mắc vì sao Đức Bồ Đề Đạt Ma nói vua Lương Võ Đế không có công đức chi cả, dù rằng nhà vua đã làm không biết bao nhiêu việc thiện lành, Lục Tổ Huệ Năng về sau trong Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm Nghi Vấn, có giải thích rõ qua câu chuyện sau:

“Một hôm có một vị Thứ Sử vì Tổ thiết đại hội trai đàn. Trai xong, Thứ Sử xin Tổ đăng toà, quan liêu sĩ tứ đều thành kính lễ bái và Thứ Sử hỏi rằng: “Đệ tử nghe Hòa Thượng thuyết pháp, thật không thể nghĩ bàn, nay có một ít nghi, cúi mong Ngài đại từ bi đặc biệt vì giải nói”.

Tổ Huệ Năng bảo: “Có nghi liền hỏi. Tôi sẽ vì các Ông mà nói.”

Thứ Sử thưa:” Hòa Thượng nói pháp, đâu không phải là tông chỉ của Tổ Đạt Ma ư ?”

Tổ bảo: “Đúng vậy”.

Thứ Sử thưa: “Đệ tử nghe Tổ Đạt Ma khi mới đến gặp Vua Lương Võ Đế, Võ Đế hỏi: “Trẫm một đời cất chùa, độ tăng, bố thí, thiết trai có những công đức gì? Tổ Đạt Ma bảo: “Thật không có công đức”. Đệ tử chưa thấu được lẽ này, cúi mong Hoà Thượng vì nói.”

Tổ Huệ Năng bảo: “Thật không có Công đức, chớ nghi lời của bậc Tiên Thánh. ***Võ Đế tâm tà, không biết Chánh Pháp, cất chùa, độ tăng, bố thí, thiết trai đó gọi là cầu phước. Không thể đem phước đổi làm Công đức. Công đức là ở trong Pháp thân, không phải do tu phước mà được.***”

Như vậy theo giáo lý đạo Phật thì phước đức và Công đức khác nhau. Phước đức thuộc về hữu vi, liên quan đến tiền trần ngoại cảnh tức ngoại vi, còn công đức thuộc về nội tâm, liên quan đến năng lực ngấm ngấm được vận dụng để lìa niệm, vô nhiễm, không phân biệt, không ngổ ngã tức không có tướng ngã, tướng nhưn trái lại tất cả đều Bình đẳng, Bác ái, Từ bi.

Tóm lại, Công đức thuộc về nội tâm còn phước đức liên quan đến ngoại tướng hữu vi. Như vậy theo giáo lý đạo Phật thì việc lập đức và tạo phước khác nhau. Lập đức không phải do bố thí, cúng dường, cất chùa, độ tăng mà được.

Giáo lý công đức này của đạo Phật cũng không khác gì giáo lý “Thượng Đức nhược cốt” hay “Thượng Đức bất Đức” của đạo Lão, hay giáo lý “ Minh Minh Đức” của đạo Khổng.

### **3\*- Lập Đức trong Tam giáo có khế hợp hay đối chọi nhau không?**

Đến đây một câu hỏi được đặt ra, đó là cách lập Đức trong Tam giáo có khế hợp nhau không hay đối chọi nhau?

Phải nói rằng nếu nghiên cứu thấu đáo tận tường thì lập Đức trong Tam giáo khế hợp nhau. Sự khế hợp tương thuận tương tùy này càng được thấy rõ hơn qua giáo lý và sự thờ phượng của Đạo Cao Đài. Đây là lý do mà nếu trước kia Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng trong quyển Giáo Lý nói rằng Cao Đài quy nguyên Tam giáo ở chữ Tâm thì nay chữ Đức hay đạo hạnh Lập Đức của Đạo Cao Đài cũng quy nguyên Tam Giáo vậy.

Đức có hai phần, Đạo Lão gọi là thượng đức và hạ đức, Phật giáo gọi là công đức và phước đức, còn Khổng giáo gọi là tại minh minh đức tức là cái tiềm lực ẩn tàng trong con người. Nếu Phật giáo nói “Lập Đức là công đức xuất phát từ nội tâm thì Khổng giáo cũng dùng nội lực Chánh tâm, Thành ý của mình để làm sáng cái Đức sáng mà mình sẵn có (Tại Minh Minh Đức), và Lão giáo cũng không khác, cũng dùng năng lực ngấm ngấm, ẩn tàng để “Thượng Đức nhược cốt” (Chương 41 Đạo Đức Kinh) có nghĩa là Đức cao (Thượng đức) như cái hang (Nhược cốt) tức người có Đức cao thì tâm trống không, không ngã không nhờn, không người không ta, do đó mà không đúng không sai, không cao không thấp, không phải không quấy, không tốt không xấu, không thương không ghét, chỉ thuận theo tự nhiên, tất cả đều như như, tâm không động vì thanh tịnh, trống rỗng mà đạo Phật cũng nói “Tâm không” để chỉ mục đích của công đức tức Lập Đức trong nhà Phật cũng không gì khác hơn là đạt đến “Tâm không” cũng có nghĩa là “Tánh không”.

Tóm lại, hạnh Lập Đức trong giáo lý Tam giáo không có gì khác nhau mà trái lại là khế hợp nhau.

### **3- Lập Đức theo giáo lý Đạo Cao Đài**

Khi nhập môn vào Đạo rồi người tín đồ Cao Đài phải tu học, rèn luyện bản thân cho có đầy đủ đức độ, thương người, mến vật, mến cả chúng sanh, dọn mình cho trong sạch để bước lên ngôi vị Thiêng liêng trong buổi qui hồi cự vị. Đại cương, lập Đức trong đạo Cao Đài gồm có:

- Tu Thân
- Trì giới
- Bối thí



- Tĩnh Luyện

### **a- Tu thân.**<sup>6</sup>

Muốn lập Đức trước nhất phải lo tu thân khắc kỷ và theo lời dạy của Đức Cao Thượng Phẩm là để: ***“Đem trật tự lại trong con người, sửa ngay ngăn lại những gì chênh lệch, chấn chỉnh lại những gì gian tà, đổi ra thành thật những gì giả dối”***. Để hoàn thành những công việc này, bản thân phải thực hiện nghiêm chỉnh những lời dạy của Đức Khổng Tử là phải *Thành ý, Chính tâm, Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ*.

Về tu thân thì có Ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

#### **1- Nhân:**

Bởi cái Đức lớn của Trời là sự sinh, thì Đạo làm người phải theo Đạo Trời mà bồi dưỡng sự sinh. Cái Đức làm cho ta yêu người, yêu vật, muốn cho vạn vật “Cát đắc kỳ sở”, đó là đức Nhân vậy. Cái Nhân đó ứng dụng vào đời sống con người thì nó gồm tất cả nghĩa vụ làm người, nên Thầy Mạnh tử nói Nhân là Đạo làm người. Thực hành chữ Nhân là đem Thiên lý vào đời sống thực tế.

Muốn làm điều Nhân, người ta phải giữ lòng ngay thẳng, chẳng cho tư dục xen vào Tâm, để cho nguồn Thiên lý ở trong Tâm ung dung phát triển rồi ta cứ theo tiếng nói Thiêng liêng mà làm cho hết sức mình. Theo tình cảm, trước tiên chúng ta phải thương những người thân cận như là cha mẹ, anh em, gia tộc; thứ nữa phải nở rộng lòng Nhân đến cả nhơn loại vì Đức Nhân là tiêu chuẩn của lòng từ ái và tánh vị tha.

Thầy Mạnh Tử có quan niệm là lòng Nhân ái ví như cái hoa của đời sống, sự sinh tồn thiết thực là tình thương tràn trề và sung mãn. Nếu lòng Nhân ái không được mở mang đầy đủ thì nó như cái hoa héo trước khi nở.

Tóm lại, người có lòng Nhân phải trang nghiêm, phải có ý chí bền bỉ, không làm cho ai những điều mà mình không muốn người khác làm cho mình, khiêm nhượng, khoan hồng, cần mẫn, quảng đại, thi ân huệ cho người, thương yêu mọi người và mong cải tạo xã hội.

#### **2- Nghĩa**

---

<sup>6</sup> - Đức Cao Thượng Sanh, trích Thông tin số 24 ngày 21-03-1971.

Nghĩa là cử chỉ tác động theo Đạo lý, theo lòng Nhân nâng cao giá trị con người. Giúp đỡ một người nghèo đói, cứu vớt một kẻ té sông, chia sẻ thống khổ của người già cả tật bệnh, đó là làm điều Nghĩa.

Con người ai cũng có tánh ưa điều Nghĩa, song không làm được điều Nghĩa là tại cái lợi làm hỏng vậy. Người quân tử chủ tâm lấy cái Nghĩa trọng hơn cái lợi. Theo các Nho gia nếu biết khiến lòng háo Nghĩa thắng được lòng dục lợi thì thành ra điều hay, mà để lòng dục lợi đè được lòng háo Nghĩa thì thành ra điều dở. Nghĩa thắng được lợi là đời trị, lợi đè được Nghĩa là đời loạn. (Nghĩa thắng lợi giả vì trị thế, lợi khắc Nghĩa giả vì loạn thế). Cho nên Nho học khuyên “Tiên Nghĩa nhi hậu lợi” tức là phải làm việc Nghĩa trước rồi sau sẽ cầu lợi.

### 3- Lễ

Lễ không phải chỉ dùng để nói về việc thờ phượng cúng tế theo Tôn giáo mà nó bao gồm cả những qui củ mà phong tục và tập quán của nhân quần xã hội đã thừa nhận như quan, hôn, tang, tế . . . . Lễ cũng dùng để khiến hành vi của người cho có chừng mực và hợp với đạo lý, vì nếu không có Lễ thì mọi việc trên đời đều hỏng vì rối loạn. Cho nên Đức Khổng tử dạy bảo Thầy Nhan Uyên rằng: “*Không phải Lễ thì chớ trông, không phải Lễ thì chớ nghe, không phải Lễ thì chớ nói, không phải Lễ thì chớ làm*”.

(Phi Lễ vật thị, phi Lễ vật thính, phi Lễ vật ngôn, phi Lễ vật động)

Ngoài ra, Lễ còn có hiệu lực định lễ phải trái, tình thân sơ và trật tự trên dưới cho phân minh. Trong xã hội có vua tôi, thầy trò, cha con, chồng vợ, có người thân, có kẻ sơ, có việc phải, có việc trái, cho nên phải có Lễ để phân biệt tôn ti, khiến người ta biết cư xử với nhau cho phải Đạo, phân ra trật tự làm cho vạn vật không có điều chi hồ đồ hỗn độn.

Lễ để ngừa sự loạn sinh ra cũng như bờ đê giữ cho nước không đến được. Người giàu sang biết Lễ thì không bạo ngược, kiêu căng; người bần tiện biết Lễ thì không nản chí, không làm bậy. Bậc vua chúa biết Lễ thì mới biết cách trị nước an dân. Bởi vậy các đấng Đế vương đời trước sở dĩ trị được thiên hạ là vì hiểu rõ thị dục của người ta, nên mới đặt ra Lễ và Nghĩa để phân biệt cái lợi, cái hại để trị thất tình (Hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ó, dục) và sửa Thập Nghĩa là phụ từ, tử hiếu, huynh lương, đệ để, phu nghĩa, phụ thính, trưởng huệ, ấu thuận, quân nhân, thần trung, đem sự hoà thuận, chuộng sự nhân nhượng bỏ sự tranh cướp.

Trên thế gian, con người chỉ biết được cái đã rồi, không biết được cái sắp có, Lễ là để ngăn cản trước việc chưa xảy ra, Pháp luật là để trị việc đã có rồi.

Bởi vậy, Thánh nhân trọng Lễ chứ không trọng hình.

#### **4- Trí**

Trí là một đức tính giúp chúng ta phân biệt điều lành lẽ dở, điều chánh lẽ tà. Người trí luôn luôn theo đường đạo đức, tránh kẻ vạ tà, gần người lương thiện để nâng cao giá trị mình trên đường xử kỷ, tiếp vật.

Về cách luyện trí, Đức Khổng Tử dạy ba điều:

- Luyện trí bằng cách học hỏi người hay.
- Luyện trí bằng cách khảo cổ (Học theo gương Thánh Hiền thời xưa).
- Luyện trí bằng cách trầm tư mặc tưởng để định trí an thần, tầm cho ra chân lý.

Nhờ có học con người mới được trí minh mẫn, thấy xa hiểu rộng. Trong sự học hỏi phải có sự chí thành, cương quyết, không vì thấy khó mà bỏ dở giữa chừng. Có điều mình chẳng học, nhưng đã học mà chẳng thành công thì không thối, có điều mình chẳng hỏi, nhưng hỏi mà không thông suốt thì không bao giờ chịu, có điều mình chẳng suy nghĩ, nhưng suy nghĩ mà không vỡ lẽ thì suy nghĩ mãi. Có bền chí như vậy sự học mới có kết quả khả quan.

Trí được sáng suốt, mình mới tự biết mình và biết người. Nếu làm người mà mình không tự biết mình thì thật lấy làm thương hại! Biết người biết ta tức là bậc trí giả, không khi nào thất bại trên đường đời cũng như đường Đạo.

Thầy Mạnh Tử nói: “Cái kết quả chánh đại của đức Trí là sự thực hành rất kiên cố đức Nhân và đức Nghĩa, vì vậy đức Trí và lòng Nhân ái là hai kho quý báu của người hoàn thiện, là hai đức tính không rời nhau, vì không thể có cái này mà không có cái kia.

#### **5- Tín**

Tín là tin tưởng.

Trong phần Tín này, lời nói phải đi đôi với việc làm. Con người phải giữ chữ Tín và phải quý trọng lời mình nói ra, đúng lời, đúng hẹn. Có câu: “Nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy”. (Nghĩa là một lời nói ra, xe tứ mã đuổi theo không kịp).

Chữ Tín rất quan trọng. Nó thể hiện phẩm chất Đạo đức con người mình. Con người mà không có chữ Tín thì không làm nên được điều gì (Nhơn vô tín bất lập).

Tóm lại, biết được tác dụng của năm đức tính này (Ngũ thường) chúng ta theo đó mà tập luyện cho hết sức mình, làm cho nhập tâm hầu áp dụng vào đời sống hằng ngày của mình. Nho giáo còn cho rằng người quân tử cần hợp đủ các đức tính này. Người nào còn thiếu kém một trong những đức tính căn bản này thì không xứng đáng là người học Đạo và biết Đạo.

## **b- Trì Giới**

### **1- Ý nghĩa của Giới**

Giới giữ một vai trò quan trọng trong việc trau dồi đức hạnh của người tín đồ để từ đó người tín đồ tiến bước trên con đường Đạo. Đại cương giới có những đặc tính sau:

\*- Giới là nền tảng căn bản của Đạo để dạy tín đồ tu hành, nghĩ thiện làm lành, quan trọng nhất là không tạo **Nghiệp**. Chính nghiệp là động cơ dẫn dắt luân hồi.

\*- Giới đối với người tu cũng như nền nhà đối với ngôi nhà. Muốn cho ngôi nhà càng bền càng cao thì nền nhà phải thật vững chắc. Người tu cũng vậy. Muốn tránh khỏi sinh tử luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, trước tiên phải giữ gìn giới, giống như trước khi muốn cất nhà phải xây nền nhà thật vững chắc vậy.

\*- Giới gồm những tín điều về đức hạnh, là Giáo pháp tiên khởi mà tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng phải hành trì trước khi muốn tiến xa hơn nữa trên bước đường chuyển hoá tâm thức hay phổ độ.

\*- Giới là nấc thang đầu lập phước đức để bước lên các bậc thang công đức. Bất cứ khách trần nào, cư sĩ hay tu sĩ, thuộc bất cứ tôn giáo nào, một khi đã bước vào đường tu thì trước nhất phải lấy Giới làm căn bản. Người tu nếu không giữ Giới thì dù tu Pháp môn nào vẫn không có nền tảng vững chắc. Công tu dù có những chứng quả sẽ không, và dù có đi phổ độ như sanh, có hành pháp gì thì cũng không làm sao diệu dụng được.

### **2-Giới của người tín đồ Cao Đài**

Đã nhập môn vào Đạo, người tín đồ Cao Đài phải học thuộc kinh, giữ Giới, tuân hành nghiêm chỉnh các Luật của Đạo cùng phải học Thánh Ngôn, Thánh giáo dạy Đạo. Kinh ở đây là kinh Thiên Đạo và kinh Thế Đạo. Giới ở đây là Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Qui được ghi trong Tân luật.

Ngũ Giới Cấm là năm điều cấm căn bản mà tín đồ Cao Đài phải tuân hành để trau dồi tánh hạnh, được quy định ở Chương V, Điều thứ hai mươi mốt của Tân Luật.

Năm điều đó như sau:

1- *Nhứt Bất Sát Sanh*: là chẳng nên sát hại sanh vật.

2- *Nhì Bất Du Đạo*: là cấm trộm cướp; lấy ngang; lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy để ý hại người mà lợi cho mình, cờ gian bạc lận.

3- *Tam Bất Tà Dâm*: là cấm lấy vợ người, thả theo đảng điểm, xúi dục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (Vợ chồng không gọi là tà dâm.)

4- *Tứ Bất Tửu Nhục*: là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị.

5- *Ngũ Bất Vọng Ngữ* : là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi dục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mắng, thô tục, chửi rủa người, phỉ báng tôn-giáo, nói ra không giữ lời hứa.

Ngoài việc tuân theo Ngũ Giới Cấm, người Tín đồ Cao Đài còn phải tuân hành Tứ Đại Điều Qui được ghi ở Điều hai mươi hai của Tân Luật:

1- Phải tuân theo lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bậc thấp hơn điều độ. Lấy Lễ hòa người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

2- Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo, đừng nhớ cừu riêng. Chớ che lấp người Hiền.

3- Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4- Trước mặt sau lưng cũng đồng một bậc, đừng kính trước rồi khinh sau. Đừng thấy đồng Đạo tranh đua ngôi mà xem không để lời hoà giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý trên mà trái trên dễ dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Nói chung, giữ Giới là để trau dồi đạo hạnh, cũng như nghiêm túc tuân hành Tân Luật là tuân hành Luật Thiên Điều tại thế. Về điểm này, Đức Chí Tôn có giải thích lợi ích của Tân Luật như sau:

“Thầy tỏ thật cái Luật lệ mà Thầy khiến các con chung trí mà lập thành đây, nó ảnh hưởng về Đạo đức, Tiên phong, Phật sắc của các con, nên Thầy buộc mình cam chịu vậy; chẳng Luật lệ thì trái phép, mà trái phép thì thế nào vào Bạch Ngọc Kinh cho đặng.”

Tóm lại, giữ Giới, tuân hành Luật Đạo là rèn luyện, trau dồi đức hạnh cho mình trong phạm vi lập Đức. Đức Chí Tôn có lời khuyên:

“Nơi lòng Thầy ngự động Thầy hay,  
Ngặt nổi là xưa chẳng thế bầy.  
Đạo hạnh khuyên con gìn tánh đức  
Cửa Kinh Bạch Ngọc đã gần khai.”

### **- Bố thí<sup>7</sup>**

Lập Đức lấy Bố thí làm phương tiện. Theo Phật Giáo, bố thí là hạnh đầu tiên trong lục độ bồ tát hạnh ( bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.) gồm có Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

Theo Đức Nguyên trong Cao-Đài, Bố thí gồm có Thí tài, Thí công, Thí ngôn, Thí Pháp

Thí Tài là đem tiền của giúp khó trợ nghèo. Thí Công là đem sức lực làm những công việc giúp người. Thí Ngôn là đem lời nói mà giúp ý kiến hay cho người để giải quyết những khó khăn của người. Thí Pháp là đem lẽ Đạo để cảm hóa để giáo dục người trở nên lành.

Những cách Bố thí trên chỉ có Thí Pháp là có nhiều công đức hơn cả. Giúp người đói, giúp người hết khổ hay thoát khỏi tai nạn cũng chỉ qua một thuở mà thôi, duy chỉ có đem Pháp ra hóa độ người dữ ra hiền, người mê muội ra giác ngộ lo tu hành để mong thoát được vòng sinh tử luân hồi thì công đức ấy đời đời chẳng mất.

***Lập Đức phải đứng trên quan điểm vô ngã, tức là quên mình mà lo cho người, chẳng cầu người trả, chẳng nghĩ đó là công do ta làm.***

Muốn lập Đức trên phương diện thí pháp cần phải có quyết tâm lớn trên đường tu học. Phải học cho thông, phải hiểu cho rành, quán thông từ Nhơn Đạo đến Thiên Đạo. Phải cầu bậc cao minh mà thọ giáo, chớ nên tự mãn, mới học

---

<sup>7</sup> - Theo sūtra khảo của Tác giả Đức Nguyên (Cao Đài Tự Điển).

nhom nhem nửa câu mà cho rằng biết hết, rồi đem cái biết thô thiển đó truyền thụ cho người thì tai hại vô cùng, không Lập Đức được mà lại tổn đức.

Ngày nào học thông chánh lý, lòng thông suốt, hiểu rành, nói rành chẳng còn gì trái với chơn ý của Thánh nhân, ấy là thể theo Thánh nhân mà nói lại lời của Thánh nhân.

Nếu là kẻ mê tín thì ta lấy chánh tín mà độ họ. Nếu là kẻ tư dục thì ta đem công lý giải bày. Nếu là kẻ tham lam thì ta đem việc thí tài mà giảng giải. Nếu là kẻ sân hận thì ta đem pháp nhẫn nhục mà độ. Nếu gặp kẻ chẳng may lạc vào Tả Đạo bàng môn thì ta đem chánh Đạo mà khai hóa. Nếu là kẻ si mê thì ta đem chánh lý mà mở mang trí tuệ cho họ...

Khi Lập Đức thì phải lập từ Đức nhỏ đến Đức lớn. Đức nhỏ cảm hóa người trong nhà, Đức lớn cảm hóa nhiều người trong thiên hạ. Đức lớn là Đức của bậc Thánh nhân, Đức nhỏ là Đức của bậc sĩ, hiền.

Đức lớn sáng soi khắp Trời đất, chói lọi như ánh thái dương, nên gọi là Minh Minh Đức. Có Minh Minh Đức mới xây dựng được một thế hệ tươi đẹp, mới đào tạo được giống dân mới gọi là Tân Dân. Tân Dân còn gọi là Thân Dân là thương mọi người như thương mình, hay như thương người thân của mình.

Vua Nghiêu hằng nói với quần thần: “Các khanh hãy thương yêu dân như thương yêu Trẫm, dân đói là Trẫm đói, dân rét là Trẫm rét, như vậy đời sao không thịnh trị?”. Quần thần khi nghe được lời nói của đấng mình Quân như thế thì ai mà chẳng xúc động. Toàn thể quốc dân nghe được lời nói của vua như thế thì ai mà chẳng động lòng. Động lòng vì Đức cả, Nhân lớn, nên cả thấy đều lo tích đức tu nhân, mọi người đều no cơm ấm áo. Chẳng còn nghèo, chẳng còn đói thì đâu còn cảnh trộm cướp mà chỉ đua nhau làm nhân nghĩa, nên nhà nhà không đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi, người người thành thoi mà an hưởng cảnh thanh bình Trời Nghiêu đất Thuấn....

### **-Tĩnh luyện**

Theo Tân Luật, nơi đề mục Tĩnh Thất, người tín đồ muốn được vào tịnh thất để tu luyện thì phải có điều kiện là đã xử tròn như đạo và giữ trai giới từ sáu tháng sắp lên.

Người vào Tĩnh thất phải giữ cho Chơn thần an tịnh, đừng xao xuyên lương tâm và phải tuân mạng lệnh của một tịnh chủ để hành công tu luyện.

Trong việc lập Đức, Đức Phạm Hộ Pháp đã chỉ dẫn rất rõ khi Đức Ngài dạy tín đồ nên “*Hồi quang phản chiếu*” qua hai Đàn thuyết Đạo tại Đền Thánh vào ngày 9-7 và 15-12 năm Mậu Tý 1948.

Hồi quang phản chiếu là chẳng nên phóng quang dong ruổi bên ngoài mà trái lại phải trở về với nội tâm mình, soi rọi lại chính mình, dùng nội lực nội tâm tức năng lựa ngấm ngấm để thanh tịnh bản thân, làm cho vọng tâm trở thành chơn tâm tức tâm phàm phu trở thành tâm Thánh hiền, Tiên Phật. Đây là cách dụng công Lập Đức để trở về với Đạo mà Đạo Phật gọi là Công đức, đạo Lão gọi là Thượng đức và Đạo Khổng gọi là Minh Minh Đức và Đạo Cao Đài gọi là Lập Đức.

Nói cách khác, Đạo Cao Đài với chân lý Lập Đức là đã dung nạp Công Đức, Thượng Đức, Minh Minh Đức của Tam giáo vì lập Công đức, lập Thượng đức hay Minh Minh đức, cả ba cũng đều là Lập Đức mà thôi.

Trên đây là một số ý niệm về việc Lập Đức từ những người bình dân cho đến bậc Vua quan cao trọng đều có thể lập được tùy theo khả năng, địa vị trong xã hội...

## **B- LẬP CÔNG. (立 功)**

Lập Công là đem sức lực của mình ra làm việc để phụng sự cho Nhơn sanh. Việc Lập Công được chia ra làm ba phần: Công phu, Công quả, Công trình. (*Còn gọi là Tam Công*)

### **a- Công phu:**

Phần Công phu gồm có hai việc:

- Học tập để thông hiểu Giáo lý, Luật pháp, Kinh kệ của Đạo và cúng Đức CHÍ TÔN vào tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu.

### **\* Học tập kinh sách Đạo:**

- Kinh thì có Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo (Tân Kinh).

- Luật thì có Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Bát Đạo Nghị Định, Đạo Luật năm Mậu Dần, Luật Hội Thánh.

- Giáo lý thì có các sách: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Giáo lý của Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, Thiên Đạo của Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Chánh Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, vv...

Việc học tập kinh sách có mục đích mở mang thể Trí của tín đồ.

### **\* Cúng Đức Chí Tôn vào tứ thời:**



Thực hiện cúng Đức Chí Tôn nơi Thiên Bàn tại tư gia hoặc tại Thánh Thất vào Tứ thời: thời Tý lúc 12 giờ khuya, thời Ngọ lúc 6 giờ sáng, thời Ngọ lúc 12 giờ trưa, thời Dậu lúc 6 giờ tối.

Việc Tứ thời công phu này rất quan trọng, vì lúc đó chơn thần chúng ta hấp thụ thanh điển của Trời.

Đức Quan Âm Bồ Tát giáng Cơ nói rằng:

"Các em phải lo cúng kiếng thường:

- Một là tập cho Chơn thần gần gũi các Đấng Thiêng Liêng cho đặng sáng lạng.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- Ba là có tế Lễ thì tâm phải có Cảm, Cảm rồi mới Ứng là lẽ tự nhiên.

- Bốn là tâm có Cảm thì lòng Bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ. Các em nhớ à!

"(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Thất Nương Diêu Trì Cung cũng có viết:

"Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi. "

Như vậy, việc Công phu hằng ngày giúp cho người tín đồ mở được Trí huệ, tức là cái trí càng ngày càng thêm sáng suốt.

### **b- Công quả**

Tất cả những việc làm giúp người giúp đời, phụng sự Đạo, phụng sự nhơn sanh, dù phạm vi nhỏ hay lớn, đều gọi là Công quả, vì những công việc này tạo ra một kết quả tốt đẹp nơi cõi Thiêng liêng.

Công quả muốn được chánh danh và đúng ý nghĩa của nó thì phải ***là Công quả phát xuất từ lòng tự nguyện tự giác, thiết tha với nó, xem nó là mục đích của đời mình.***

Mỗi người tùy theo khả năng chuyên môn mà làm Công quả. Trong Đạo, biết bao nhiêu công việc, đủ mọi ngành nghề, từ việc làm bằng sức lao động đến việc làm bằng trí não.

Đức Chí Tôn hằng dạy rằng: "*Vậy Thầy khuyên các con, đứa nào có trí lực bao nhiêu, khá đem ra mà thi thố, chớ dưng sứt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uống cái điểm Linh quang của Thầy ban cho các con lắm.*" (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển).

Đức Chí Tôn cũng đã hứa: "Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần". Đức Chí Tôn đại khai ân xá, mở Đạo kỳ ba này là lập một trường thi công quả cho nhơn sanh đắc Đạo.

"Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong, Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. "(*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*)"

Làm công quả phụng sự nhơn sanh là thể hiện đức tánh Từ Bi Bác Ái. Càng làm Công quả thì thể Bi trong mỗi người chúng ta càng phát triển, và phải tiếp tục làm cho nó phát triển mãi, để cuối cùng hòa nhập được vào khối thương yêu vô tận của Đức Chí Tôn.

### **c- Công trình:**

Công trình là việc lập hạnh tu hành, bao gồm việc gìn giữ Giới Luật như: Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui, Thế Luật, việc ăn trai kỳ hay trường trai. Việc lập hạnh đòi hỏi người tu phải có ý chí mạnh mẽ, hùng dũng mới thắng nổi những sự yếu hèn và ham muốn của thể xác, do lục dục và thất tình xúi giục gây ra. Thể xác lúc nào cũng muốn tự tung tự tác, sung sướng thoải mái, chớ đâu chịu bó mình trong giới luật.

Do đó, việc lập hạnh tu hành là thể hiện cái Dũng của con người. Cần phải dũng cảm chiến thắng sự đòi hỏi buông lung của thể xác. Không có chiến thắng nào vẻ vang hơn chiến thắng được dục vọng của mình.

### **Tóm lại:**

- Công quả là thể hiện đức BI,
- Công phu là thể hiện đức TRÍ,
- Công trình là thể hiện đức DŨNG.

*Tam Công:* Công phu, Công quả, Công trình, liên hệ mật thiết nhau, quan trọng như nhau, giống như Bi, Trí, Dũng, không thể tách rời, không thể bỏ sót phần nào được, mà phải phát triển song song nhau thì sự tiến hóa tâm linh mới nhanh chóng và mau đắc quả.

### **C- LẬP NGÔN (立 言)**

Lập Ngôn là nói những lời chơn thật, chánh đáng và có Đạo đức. Lời nói thốt ra từ cửa miệng gây nên khẩu nghiệp. Trong Tam nghiệp: Thân, Khẩu, Ý thì Khẩu nghiệp dễ mắc phải nhất, vì lời nói không mất tiền mua nên người ta cứ phát ngôn bừa bãi vô tội vạ. Nhưng người tu thì phải nghĩ rằng: lời nói không tốt gây ra khẩu nghiệp cũng nặng nề như Thân nghiệp và Ý nghiệp.

Cho nên khi nói ra lời nào, chúng ta cần phải suy nghĩ cho cẩn thận, xem lời nói đó có chơn thật không, có gây thiệt hại cho ai không? Tây phương có một câu cách ngôn làm lời khuyên rất quý báu: Trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần.

Nho giáo cũng có dạy rằng: “*Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ tán bang*”. Câu nói này là để cảnh giác các vị Vua khi nghe những lời tâu cáo của quân thần: lời nói nào trung quân ái quốc, lời nói nào sàm nịnh hại nước, hại dân.

Đức CHÍ TÔN cũng thường dạy rằng: “*Thầy dạy các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể*”.

Người tín đồ Cao Đài muốn Lập Ngôn đứng đắn thì phải áp dụng triệt để những điều răn cấm như sau;

-Cấm vọng ngữ: tức là nói dối.

-Cấm lưỡng thiệt: tức là đem chuyện người này thuật lại với kẻ nọ làm cho hai bên xích mích nhau.

-Cấm ác khẩu: tức là lời nói hung dữ.

Cấm ý ngữ: tức dùng lời xảo trá để gạt gẫm người sai vào tội lỗi.

## **II- TAM LẬP ĐỐI VỚI TAM GIÁO**

Tam Lập ( Lập đức, Lập công, Lập ngôn) là tinh túy giáo-lý của Cao-Đài đồng thời cũng là một chân đế quy nguyên tam giáo.

Nói quy nguyên tam giáo vì Đạo Cao-Đài cũng như Nho, Thích, Lão tất cả đều có mục đích cuối cùng là siêu thoát , Phối Thiên, chỉ hiềm vì với chữ Phối Thiên thì mỗi tôn-giáo dùng danh từ mỗi khác, nên nhiều khi nảy ra những ý kiến cho rằng có một hai tôn giáo nào đó có chối bỏ nhau.

Hơn thế nữa, trên 2000 năm qua tôn chỉ Phối Thiên của 2 tôn giáo Khổng và Lão hầu như đã bị bỏ qua một bên ( bị quên lãng). Khổng Giáo thì đã bị nhiều nước Á Đông làm cho biến hình đổi dạng mà lý do là vì giáo-lý của Đạo Khổng có được khả năng an bang tế thế nghĩa là mang lại được trật tự, an bình cho xã-hội, do đó tôn giáo này trở thành một đạo dùng để đào tạo các “ phụ mẫu chi dân” hay” lương y như từ mẫu”. Chính vì lý do này mà tôn-chỉ “ Phối Thiên” hay “ tại minh minh đức” đã mặc nhiên bị chìm vào quên lãng.

Đó là số phận của Khổng giáo chuyển thành Nho giáo do yêu cầu của tình thế mà Lão-Giáo cũng không khác.

Ngày nay, Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ quy nguyên tam giáo, đặt ba tôn-giáo ngang hàng nhau trong việc cúng kiếng, thờ phượng, thứ đến làm sáng tỏ tôn chỉ

“ Phối Thiên” của Đạo Khổng là “ Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên” ( Trung Dung XX) và “ Thiên Nhân bản vô nhị” nghĩa là Trời Người không khác.

Với Đạo Lão, một tôn giáo qua quyển Đạo-Đức Kinh không hơn 5000 chữ nhưng lại chứa đựng tất cả trí khôn của nhân loại, trong đó nơi chương 68 Đức Lão-Tử có viết: “ . . . thị vị Phối Thiên chi cực” mà Hà Thượng Công trong phần chú giải Đạo-Đức kinh chỉ ghi có 4 chữ:” thị vị Phối Thiên” và giải nghĩa là Đức Phối Thiên giả tức là Đức hợp với Trời vậy.<sup>8</sup>

Đối với Phật Giáo, về từ ngữ Phối Thiên, Đức Phật Thích Ca có chỉ rõ “ Phật tức Tâm hay Tâm, Phật, chúng sanh tam vô phân biệt” qua đàn cơ ngày 15 tháng 9 năm Bính Dần ( 24-10-1926) tại Phước Linh Tự trong đó Phật Thích Ca Mâu Ni tá danh Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam Phương có dạy:” Các con là chư Phật, chư Phật là các con “. Như vậy lời dạy của Đức Chí-Tôn tại đàn cơ ngày thứ năm 13 tháng 6 Bính Dần ( 22-7-1926) rằng “ Các con là Thầy, Thầy là các con” rất phù hợp với giáo-lý của Đạo Phật.

Tóm lại , dù rằng trên phương diện danh từ , đạo Cao-Đài cũng như tam giáo có dùng những từ ngữ khác nhau để quảng diễn Phối Thiên, chữ Phối Thiên vẫn luôn luôn có cùng một ý nghĩa trong giáo lý tam giáo cũng như trong giáo-lý Cao Đài. Do đó có thể nói Đại Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ quy nguyên tam giáo, quy nguyên ở chỗ dù được gọi là Thượng Đức như Lão giáo, Minh Đức như Khổng giáo, Công Đức như Phật giáo và Lập Đức như Đạo Cao-Đài

### **III- TAM LẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI.**

#### **A-Tam Lập và việc Tu Thân, Khắc Kỷ Tiếp vật.**

Trong Bài giảng về “Phương Pháp Tu Thân và Thuyết Tam Lập” của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang, có đoạn nói rõ về mối tương quan của việc Tu

---

<sup>8</sup> - Lão Tử Đạo Đức Kinh, quyển 2, Hạo Nhiên Nghiêm Toản, nhà xuất bản Khai Trí Sài Gòn 1972, trang 298

thân Khắc Kỷ, Tiếp Vật và Thuyết Tam Lập như sau: “ Hai chữ *Tu thân* không phải chỉ có một ý nghĩa tiêu cực là sửa trị nét xấu mà là bao hàm một chương trình rộng rãi trau dồi tài đức. Tu thân cũng không phải chỉ có một quan niệm hoàn toàn về cá nhân, vì phép tắc đối với mình tức là “*Xử kỷ*” phải luôn luôn đi kèm với phép tắc đối với người và việc tức là “*Tiếp vật*”. Muốn được hoàn hảo trong việc Xử kỷ và Tiếp vật, con người cần phải thực hành phép Tam lập, tức là Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn.”

Nói cách khác, trong cửa Đạo Cao Đài, Tam Lập là một Pháp môn giúp cho người tín đồ không ngừng hoàn thiện trong việc Tu Thân, Khắc Kỷ.

Nếu các Bậc Thánh Hiền Nho Giáo dạy con người “Khử Nhân Dục, Tồn Thiên Lý” thì Thuyết Tam Lập phải nói là một Pháp môn giúp con người tiến tới hoàn thiện việc Tu thân, trở về với đường Nhân nẻo Thánh.

Đó là về mặt Khắc Kỷ Tu thân, còn về mặt Tiếp Vật, thực hiện được Tam Lập là thể hiện đức Công Bình, lòng Nhân Ái bao dung, là một phương thức tuyệt vời để đạt chữ “ Hòa” như Đức Chí Tôn đã dạy “có Hòa mới có Hiệp, có Hiệp mới có Thương, mà sự Thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam Thập Lục Thiên và Cực Lạc Thế Giới” ngõ hầu dẫn con người trở về với Chân Thiện Mỹ, trở về với “ĐẠO”.

Trong Phần Thuyết Đạo ngày 19 – 4-Tân Mão tại Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp đã dạy rõ như sau:

“Bây giờ chỉ nói tại sao có Tam Lập ấy mà thôi.

Nếu người nào không có Tam Lập thì không có ở chung với ai được hết, chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời, tức nhiên Thể Pháp mà không có bằng cơ chi hết thì ai tin rằng có Bí pháp để đạt Pháp, đạt Đạo.

Thể Pháp mà không làm đặn, Bí Pháp vẫn khó, làm sao cho rồi, nếu mà không rồi hành tàng của họ về Bí Pháp tức nhiên mê hoặc chúng sanh mà thôi. Phải có hình mới có bóng, khi nào thấy bóng tức nhiên chúng ta quyết định có hình, bóng hình phải tương liên với nhau mới đặn.

Ấy vậy Tam Lập là: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn. Con người khi sanh ra mặt địa cầu này không có Tam Lập thì giá trị con người không có gì hết. Tam Lập ấy quyết định cho ta, ta phải có mới sống chung với xã hội nơn quần được.

Nếu con người không có Đức thì làm sao xử sự trong gia đình, ngoài xã hội đặng.

Con người không có Công thì ở với ai cũng không được. . . . . , không làm gì có nghĩa với người, với đời, thì sống với ai ?

Cũng như người ta thì chơn chất thật thà, hiền lương đạo đức, còn mình xảo ngữ lường gạt, không chút dạ nơn từ, thì dầu cho người có tài tình đến mấy mà thiếu ba điều đó thì không thể gì sống với ai được hết, như vậy thì địa vị mình tại mặt thế này chưa rồi.”<sup>9</sup>

### **B- Tam Lập và vấn đề Lập vị của người Tín đồ Cao Đài.**

Đối với Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn khai Đạo Kỳ ba là nhằm mở Chân Lý ra đem Đạo đến cho mọi người để theo đó dụng công tu tập đạt Đạo (*Mang ý nghĩa của hai chữ Phổ Độ: Phổ là bày ra khắp, Độ là cứu Chúng sanh*) chứ không có nghĩa là tự hình thành một tha lực từ bên ngoài để cho Nhơn sanh nguyện cầu và dựa vào đó mà chứng đắc.

Theo lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh đêm 19-2-Mậu Tý (29-9-48) thì Đức Chí Tôn có dạy như sau: *“Của mỗi đứa con, Ông còn giữ một Đại nghiệp. Đại nghiệp ấy không phải của Ông cho mà là của tự mình chúng ta tạo dựng”*.

Đại nghiệp mà Đức Chí Tôn nói đây là Đại nghiệp giác ngộ giải thoát mà Chúng sanh phải tự mình dụng công tu tập hầu đạt Đạo. Nói rõ hơn, việc thành Đạo hay không là do nơi mỗi người chớ Đức Chí Tôn không cho ai được.

Đức Chí Tôn có dạy:

*“Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc Đạo cùng chẳng tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn.*

*“Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: nếu các con **không tự lập** ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó.”<sup>10</sup>*

Thật vậy, **“Ý nghĩa Tự lập”** đã được Đức Chí Tôn luôn nhắc nhở, bàn bạc trong các Thánh Ngôn, Thánh giáo để giáo huấn con cái của Thầy, lúc thì giản đơn bình dị, lúc thì cao siêu vi diệu:

*“Thầy là các con, các con là Thầy”* (Đàn cơ 27-7-1926)

**Và:**

---

<sup>9</sup> - Trích lời Thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp ngày 19-04 Tân Mão, 1951

<sup>10</sup> - Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thánh Giáo ngày 15 Avril 1927 (Phú Nhuận)

*“Thầy là Chư Phật, Chư Phật là Thầy,  
Các con là Chư Phật, Chư Phật là các con” (Đàn cơ 24-10-1926).*

Ngoài việc chỉ dạy **“Thầy đã lập cho các con một Trường thi Công quả tại thế gian này”**, Đức Chí Tôn còn chỉ rõ ba con đường do Thầy khai sáng để cho Môn đệ noi theo mà lập vị:

Đó là:

-Lập vị qua hành Đạo tại Cửu Trùng Đài, tức là đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa gồm 9 phẩm cấp từ Đạo Hữu đến Giáo Tông (theo phẩm vị từ Địa Thần đến Thiên Tiên trong Cửu phẩm Thần Tiên ở vô vị).

-Lập vị qua con đường hành Đạo nơi Cơ Quan Phước Thiện đi theo Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, (Từ phẩm thấp nhất là Minh Đức đến cao nhất là Phật Tử).

-Lập vị qua con đường vào Tịnh Thất luyện Đạo để đoạt vị tại thế.

Nhưng dù đi theo con đường nào đi nữa trong việc lập vị thì người tín đồ Cao Đài cũng phải thực hiện trọn vẹn và đầy đủ Tam Lập. Nói cách khác, Pháp môn Tam Lập là chiếc đũa Thần giúp cho Môn đệ Cao Đài đi tới hoàn thiện việc tu thân hầu làm tròn Nhơn Đạo để đắc quả thành Thánh, Hiền, Tiên, Phật.

### **KẾT LUẬN.**

Để kết luận, chúng tôi xin trích dẫn một nhận định sau đây của tác giả Nhân Tử (Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ), một học giả uyên thâm về Tam Giáo **“Chúng ta sinh ra ở cõi đời này, sau trước cũng phải thực hiện một cuộc hành trình - không phải là một cuộc hành trình thiên sơn vạn thủy nơi ngoại cảnh, mà chính là một cuộc hành trình nội tâm để tìm Đạo, tìm Trời”**.<sup>11</sup>

Trong cuộc hành trình tìm Đạo, tìm Trời, người Môn đệ Cao Đài luôn tâm niệm rằng:

*-Thượng Đế luôn ở trong ta.*

*- Làm chúng sanh hay thành Phật tất cả đều do ta chứ không phải do tha lực từ bên ngoài.*

Nhưng muốn đắc quả Thánh, Hiền, Tiên, Phật, trước hết người Môn đệ Cao Đài phải tu tròn Nhơn Đạo. Thánh nhân xưa có câu rằng: “Dục tu Tiên Đạo,

---

<sup>11</sup> - Trích “*Trung Dung, con đường huyền nhiệm*” của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ.

tiên tu Nhơn Đạo; nhơn Đạo bất tu, Tiên Đạo viễn hỹ” (*Muốn tu Tiên Đạo, trước hết phải tu Đạo làm người, Đạo làm người mà không tu, thì Đạo Tiên khó mà đạt được*).

Đức Chí Tôn có dạy:  
Buông trôi ví chẳng tròn Nhơn Đạo,  
Thì có mong chi đến Đạo Trời.

Trong chặng đường thực hành Nhơn Đạo, với quan niệm rằng “*mỗi người đều có Thượng Đế ở trong Tâm*”, người tín đồ Cao Đài tự bản thân quyết gìn lòng sửa tánh, dụng công tu tập Pháp môn Tam Lập để trước hết hoàn thiện việc Tu thân, sửa mình ra người Thánh Thiện để phụng sự Vạn linh góp phần khơi lại đóm lửa thiên lương trong lòng nhân thế ngõ hầu xây dựng một Xã hội Thánh đức, Huynh đệ Đại Đồng tại thế này.

Mà khi Nhơn Đạo đã thành thì con đường “Phản Bồn Hườn Nguyên”, tìm về Thiên Quốc sẽ không xa.

Rõ thật là “***Đạo cao thâm, Đạo cao thâm!***”

“Trường thi công quả, Phương thức lập vị và Pháp môn Tam Lập” mà Đức Chí Tôn để tại mặt thế này có thể nói: Chỉ có trong cửa Đạo Cao Đài. .

## **HẾT**

**Hiền Tài Nguyễn Ngọc Dũ, Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
Thuyết trình tại Hội Trường Châu Đạo California ngày 8-11-2003  
nhân Lễ kỷ niệm Khai Đạo Cao Đài năm thứ 79**